

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê  
Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045  
trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Thống kê ngày 23/11/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê ngày 12/11/2021;*

*Căn cứ Quyết định số 2014/QĐ-TTg ngày 01/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Căn cứ Quyết định số 1271/QĐ-BKHĐT ngày 05/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;*

*Thực hiện Công văn số 1079/TCTK-VTKE ngày 27/7/2022 của Tổng cục Thống kê về việc thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện CLTK21-30 và xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;*

*Xét đề nghị của Cục Thống kê tại Công văn số 498/CTK-TKTH ngày 11/8/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 2.** Cục Thống kê chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, các cơ quan Trung ương được tổ chức theo hệ thống ngành dọc đóng trên địa bàn tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện có hiệu quả các nội dung công việc được phân công tại Kế hoạch



thực hiện Chiến lược phát triển Thống kê Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa tỉnh Bình Phước; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND tỉnh theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Cục trưởng Cục Thống kê, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục Thống kê;
- TTTU, TT.UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, phòng TH;
- Lưu: VT. 3K



**Trần Tuệ Hiền**

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỐNG KÊ VIỆT NAM  
GIAI ĐOẠN 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

*(Kèm theo Quyết định số 1533/QĐ-UBND ngày 25/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
<b>I</b>	<b>CÁC NHÓM NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP</b>						
<b>1</b>	<b>Hoàn thiện thể chế, đổi mới mô hình tổ chức, phát triển nguồn nhân lực</b>	<b>01</b>					
1.1	Hoàn thiện thể chế	011					
1.1.1	Góp ý sửa đổi Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê	0111	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2027	2030	Văn bản tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Luật Thống kê sửa đổi, bổ sung
1.1.2.8	Triển khai áp dụng các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật	01128	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh	2022	2030	Các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành Luật Thống kê số 89/2015/QH13 và Luật số 01/2021/QH15 được triển



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
	Thống kê						khai, áp dụng thống nhất
1.2.3	Kiện toàn đội ngũ thống kê sở, ban, ngành; củng cố nhân lực thống kê cho sở, ban, ngành và thống kê cấp phường, xã	0123	Sở Nội vụ	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- KIỆN TOÀN MÔ HÌNH TỔ CHỨC;</li> <li>- Đề xuất bổ sung nhân lực;</li> <li>- Số lượng công chức làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành, UBND phường, xã.</li> </ul>
1.3	Phát triển nguồn nhân lực	013					
1.3.1	Thu hút, trọng dụng nhân lực trình độ cao, chuyên nghiệp cho công tác thống kê	0131	UBND cấp tỉnh	Sở, ngành; UBND cấp huyện		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn vị trí việc làm phụ trách, liên quan đến công tác Thống kê;
1.3.1.2	Nghiên cứu cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước	01312	Sở Nội vụ	Sở, ngành; UBND cấp huyện		Hàng năm	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách đãi ngộ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao theo quy định của nhà nước

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4	Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực	014					
1.4.5	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho những người làm công tác thống kê tại địa phương	0145					
1.4.5.1	Rà soát, đánh giá hiện trạng và xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã	01451	Sở Nội vụ	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã		Hàng năm	Báo cáo rà soát, đánh giá hiện trạng và nhu cầu đào tạo nhân lực thống kê
1.4.5.3	Xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác thống kê tại các sở, ban, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã hằng năm, 5 năm	01453	Sở Nội vụ	Sở, ngành, UBND các huyện		Hàng năm	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền phê duyệt hằng năm, 5 năm

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
1.4.5.4	Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng cho người làm công tác thống kê tại các sở, ngành và các đơn vị trực thuộc; UBND các huyện, thị xã, thành phố, phường, xã	01454	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND tỉnh tổ chức;</li> <li>- Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do bộ, ngành và UBND tỉnh tổ chức;</li> <li>- Số lượng học viên tham dự các khóa đào tạo, bồi dưỡng do Tổng cục Thống kê tổ chức.</li> </ul>
2	Xây dựng, hoàn thiện, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, mô hình thống kê	02					
2.2	Triển khai áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	022					
2.2.3	Áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn thống kê	0223					
2.2.3.1	Rà soát lại tiêu chuẩn thống kê đang sử dụng	02231	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2026	Tiêu chuẩn thống kê được rà soát

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
2.2.3.3	Triển khai áp dụng tiêu chuẩn thống kê do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành	02233	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2026	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sổ sở, ban, ngành thuộc UBND tỉnh triển khai áp dụng các tiêu chuẩn thống kê ban hành;</li> <li>- Sổ tiêu chuẩn thống kê ban hành được triển khai áp dụng.</li> </ul>
2.4	Triển khai áp dụng thống nhất các quy trình sản xuất thông tin thống kê	024					
2.4.1	Xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê	0241	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch áp dụng các quy trình sản xuất thông tin thống kê;</li> <li>- Số lớp tập huấn về các quy trình sản xuất thông tin thống kê.</li> </ul>
2.4.2	Triển khai các hoạt động thống kê bảo đảm đúng các bước của quy trình sản xuất thông tin thống kê	0242	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2024	2025	Các quy trình sản xuất thông tin thống kê được triển khai áp dụng thống nhất





STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý và quản trị dữ liệu	03					
3.1	Hiện đại hóa hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu	031					
3.1.1	Đa dạng hóa hình thức và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong hoạt động thu thập, xử lý dữ liệu thống kê	0311			2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hệ thống CNTT phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê;</li> <li>- Đến năm 2030, 100% các cuộc điều tra và tổng điều tra thống kê được thay thế phiếu điều tra giấy bằng phiếu điều tra điện tử.</li> </ul>
3.1.1.1	Đa dạng hoá hình thức thu thập thông tin thống kê	03111	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sử dụng các phần mềm phục vụ thu thập thông tin thống kê;</li> <li>- Số lượng các cuộc điều tra và Tổng điều tra thống kê sử dụng phiếu điều tra điện tử thay cho phiếu giấy</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.1.2	Ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại trong xử lý thống kê; ứng dụng công nghệ thông tin trong việc kiểm tra, giám sát, xử lý thông tin thống kê	03112	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê, các sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2021	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống xử lý thông tin thống kê;</li> <li>- Các hệ thống công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm) phục vụ tất cả các bước thu thập, giám sát và xử lý thông tin thống kê.</li> </ul>
3.1.2	Ưu tiên sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước cho hoạt động thống kê	0312					
3.1.2.1	Thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với thống kê sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh	03121	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các sở, ban, ngành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.2.2	Thường xuyên cập nhật cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan	03122	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Quyết định của cấp có thẩm quyền ban hành cơ chế cung cấp, chia sẻ dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có giữa các cơ quan quản lý nhà nước với Cục Thống kê và các sở, ban, ngành liên quan
3.1.2.3	Sử dụng dữ liệu hành chính, dữ liệu sẵn có của các cơ quan quản lý nhà nước trong sản xuất thông tin thống kê	03123	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu hành chính; - Số chỉ tiêu thống kê được sản xuất có sử dụng nguồn dữ liệu sẵn có.
3.1.3	Tích hợp các cuộc điều tra và ứng dụng tối đa công nghệ thông tin trong tất cả các bước của quy trình điều tra	0313					
3.1.3.1	Tích hợp các cuộc điều tra có cùng lĩnh vực và đối tượng	03131	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ban, ngành	2022	2030	Số lượng cuộc điều tra được tích hợp

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
3.1.3.2	Tin học hóa toàn bộ quy trình điều tra thống kê	03132	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; Sở TT&TT	2023	2030	Các bước trong quy trình điều tra thống kê được tin học hóa
3.1.3.3	Ứng dụng công nghệ thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin	03133	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; Sở TT&TT	2025	2030	Kết quả ứng dụng các giải pháp thông minh (AI) hỗ trợ đối tượng cung cấp thông tin.
3.1.4	Ứng dụng khoa học thống kê, khoa học dữ liệu để khai thác nguồn dữ liệu lớn, dữ liệu mới cho hoạt động thống kê	0314					
3.1.4.3	Áp dụng công nghệ khai thác dữ liệu lớn để biên soạn chỉ tiêu thống kê, biên soạn một số chỉ tiêu báo cáo phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh	03143	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2025	2030	Báo cáo nghiên cứu
4	Đổi mới hoạt động xác định nhu cầu, phân tích, dự báo, biên soạn và phổ biến thông tin thống kê	04					
4.1	Nâng cao chất lượng hoạt động phân tích và dự báo thống kê	041					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.1.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	0411	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2021	2030	Số báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê tiên tiến, hiện đại
4.1.2	Áp dụng công cụ phần mềm tiên tiến đã nghiên cứu để thực hiện các báo cáo phân tích và dự báo thống kê	0412	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2021	2030	Các chuyên đề phân tích và dự báo được áp dụng công cụ hiện đại
4.1.3	Tổ chức thu thập, sử dụng số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo của ngành, lĩnh vực phụ trách	0413	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Hệ thống số liệu thống kê phục vụ công tác phân tích, dự báo kinh tế vĩ mô, công tác kiểm sát
4.2	Đổi mới hoạt động biên soạn thông tin thống kê	042					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.2.1.1	Rà soát lại các chỉ tiêu được biên soạn trong báo cáo kinh tế - xã hội tháng, quý, năm theo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã được ban hành	04211	Cục Thống kê	Sở, ngành liên quan	2022	2030	Danh mục chỉ tiêu kinh tế - xã hội được rà soát theo hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã
4.2.2	Đổi mới hình thức và ứng dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại vào hoạt động biên soạn thông tin thống kê	0422					
4.2.2.1	Áp dụng khung lý thuyết chung được xây dựng để thực hiện các hoạt động phân tích và dự báo thống kê	04221	Cục Thống kê	Sở, ngành liên quan	2023	2030	Sổ báo cáo/chuyên đề phân tích và dự báo áp dụng khung lý thuyết, mô hình, phương pháp, công cụ phân tích và dự báo thống kê
4.3	Đổi mới hoạt động phổ biến thông tin thống kê	043					
4.3.1	Đa dạng hóa hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê	0431	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê	2022	2030	Hình thức, nội dung công bố, cung cấp và phổ biến thông tin thống kê được đa dạng hóa

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.3.2.4	Đổi mới hình thức trong biên soạn thông tin thống kê trên địa bàn	04324	Cục Thống kê	Sở, ngành liên quan	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số lượng maket số liệu kinh tế - xã hội được chuẩn hóa theo phương pháp mới;</li> <li>- Các thông tin đầu vào được chuẩn hóa điện tử trên Hệ thống thông tin báo cáo tình</li> <li>- Phần mềm biên soạn báo cáo kinh tế xã hội;</li> <li>- Xuất bản Niên giám Thống kê điện tử...</li> </ul>
4.4	Đẩy mạnh công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	044					
4.4.1	Đa dạng hóa hình thức và phương tiện truyền thông về vai trò, tầm quan trọng của công tác thống kê	0441	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch tuyên truyền; Tài liệu tuyên truyền; Các bài viết trên báo in, báo điện tử;</li> <li>- Các phóng sự, chuyên đề trên đài phát thanh- Truyền hình Trung ương và địa phương.</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
4.4.1.1	Tổ chức các cuộc hội nghị phổ biến kiến thức thống kê, tập huấn chuyên đề, chuyên môn	04411	Cục Thống kê	Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	Số hội nghị, tập huấn
4.4.1.2	Tổ chức tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: báo in, báo điện tử, sóng phát thanh, truyền hình	04412	Cục Thống kê	Sở TT&TT; các cơ quan thông tấn, báo chí	2022	2030	Số buổi phát thanh, truyền hình, số bài báo tuyên truyền về công tác thống kê
5	Đẩy nhanh tư liệu hóa, chuyển đổi số trong công tác thống kê	05					
5.1	Nghiên cứu, đề xuất xây dựng sửa đổi quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	051					
5.1.1	Rà soát, cập nhật các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê	0511	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê; các sở, ngành	2022	2030	Báo cáo tổng kết, đánh giá các quy chế, chính sách về công nghệ thông tin để bảo đảm thực hiện tư liệu hóa và chuyển đổi số trong công tác thống kê tại địa phương





STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.1.2	Góp ý xây dựng Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia	0512	Cục thống kê	Sở, ngành	2022	2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê quốc gia
5.2	Xây dựng cơ sở hạ tầng tạo nền tảng chuyển đổi số trong công tác thống kê	052					
5.2.1	Đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin, nền tảng số phục vụ công tác thống kê	0521	Cục Thống kê	Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại Cục Thống kê và các Chi cục Thống kê;</li> <li>- Báo cáo đánh giá hạ tầng công nghệ thông tin tại sở, ban, ngành và địa phương phục vụ công tác thống kê;</li> <li>- Báo cáo đánh giá về các nền tảng số phục vụ thu thập thông tin thống kê.</li> </ul>
5.3	Tư liệu hóa công tác thống kê	053					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
5.3.1	Thực hiện cập nhật lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên công thông tin điện tử	0531	Cục Thống kê		2023	2030	Cơ sở dữ liệu lưu trữ công tác chỉ đạo điều hành trên công thông tin điện tử
5.3.2	Chuẩn hóa, số hóa, lưu trữ và quản lý trên không gian mạng	0532	Cục Thống kê		2022	2030	- Quy trình hoạt động thống kê được chuẩn hóa; - Cơ sở dữ liệu về các tài liệu được số hóa; - Sách điện tử.
5.3.2.1	Chỉnh lý tài liệu lưu trữ	05321	Cục Thống kê			Hàng năm	Tài liệu lưu trữ được chỉnh lý hoàn chỉnh
5.3.2.2	Số hóa tài liệu lưu trữ	05322	Cục Thống kê			Hàng năm	Cơ sở dữ liệu tài liệu lưu trữ được cập nhật
8	Tăng cường kiểm tra, giám sát, thanh tra chuyên ngành thống kê	08					
8.1	Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	081					

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.1.1	Thanh tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0811	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Báo cáo kết quả thanh tra; - Kết luận thanh tra.
8.1.2	Kiểm tra việc cung cấp thông tin của các tổ chức, cá nhân	0812	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2	Đẩy mạnh kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đã được cấp có thẩm quyền công bố	082					
8.2.1	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với sở, ban, ngành	0821	Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
8.2.2	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp huyện	0822	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
8.2.3	Kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê nhà nước đối với cấp xã	0823	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố, xã, phường	2026	2030	- Báo cáo kết quả kiểm tra; - Thông báo kết quả kiểm tra.
9	Tăng cường cơ sở vật chất và huy động các nguồn lực tài chính phục vụ công tác thống kê	09					
9.1	Đảm bảo kinh phí thực hiện CLTK21-30	091					
9.1.1	Dự toán kinh phí thực hiện chiến lược	0911	Cục Thống kê	Sở Tài chính		Hàng năm	Dự toán kinh phí thực hiện CLTK21-30 hàng năm của Cục Thống kê và thống kê các sở, ban, ngành được phê duyệt
9.1.2	Phân bổ kinh phí thực hiện chiến lược	0912	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính, Cục Thống kê		Hàng năm	Kinh phí thực hiện CLPTTK trên địa bàn được phân bổ cho các đơn vị thực hiện
9.2	Tập trung xây dựng và phát triển hạ tầng số, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong công tác thống kê	092					



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
9.2.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hệ thống thống kê cấp thành phố	0921	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính	2022	2030	Dự toán kinh phí hằng năm thực hiện các hoạt động hoặc nội dung của Đề án được thành phố phê duyệt
9.2.2	Phân bổ kinh phí Đề án tư liệu hóa và chuyển đổi số trong hoạt động thống kê tại địa phương	0922	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính, Cục Thống kê	2022	2030	Kinh phí thực hiện Đề án hằng năm được phân bổ
9.3	Hiện đại hóa cơ sở vật chất, phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê	093					
9.3.1	Xây dựng dự toán kinh phí Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn (phương tiện và trang thiết bị phục vụ công tác quản lý nhà nước về thống kê)	0931	Cục Thống kê	Sở KH&ĐT, Sở Tài chính	2024	2030	Dự toán kinh phí Đề án hằng năm của công tác thống kê trên địa bàn được phê duyệt
9.3.2	Bảo đảm kinh phí thực hiện Đề án tăng cường năng lực thống kê trên địa bàn	0932	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành	2024	2030	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phương tiện và trang thiết bị làm việc cơ quan thống kê tập trung, thống kê sở, ban, ngành</li> <li>- Kế hoạch phân bổ (bao gồm hoạt động về nâng cao chất lượng nguồn nhân lực như đào tạo, bồi dưỡng).</li> </ul>

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
II	<b>CÁC HOẠT ĐỘNG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN, THEO DÕI VÀ ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC</b>						
10	Thành lập Ban Chỉ đạo thực hiện chiến lược và tổ chức Hội nghị triển khai thực hiện chiến lược	10					
10.1	Thành lập, kiện toàn Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc thực hiện CLTK21-30	101					
10.1.2	Thành lập Ban chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện chiến lược cấp tỉnh	1012	UBND tỉnh	Cục Thống kê; các sở, ngành liên quan		Tháng 8/2022	Quyết định thành lập Ban Chỉ đạo và tổ giúp việc thực hiện Chiến lược tỉnh Bình Phước
10.1.2.1	Xây dựng, cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 tỉnh Bình Phước	10121	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022; 2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND tỉnh Bình Phước được ban hành

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
10.1.2.2	Xây dựng Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	10122	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND tỉnh Bình Phước được ban hành
10.2.2.1	Cập nhật Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của bộ, ngành, UBND cấp tỉnh	101221	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2026	Kế hoạch thực hiện CLTK21-30 của UBND tỉnh Bình Phước được ban hành
10.3	Tổ chức Hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện chiến lược	10.3					
10.3.3	Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch thực hiện Chiến lược trên địa bàn tỉnh	1033	Cục Thống kê	Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2022	01 hội nghị do UBND tỉnh chủ trì

STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11	Tổ chức theo dõi, đánh giá và tổng kết thực hiện Chiến lược	11					
11.1	Góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	111	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022	2022	Tổng hợp ý kiến góp ý dự thảo Khung theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30
11.3.2	Áp dụng phần mềm theo dõi thực hiện CLTK21-30	1132	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		Hàng năm	Kết quả thực hiện CLTK21-30 hàng năm được báo cáo trên phần mềm
11.4	Tổ chức theo dõi, đánh giá thực hiện CLTK21-30	11.4	Cục Thống kê				
11.4.1	Theo dõi thường xuyên quá trình thực hiện CLTK21-30	1141	UBND cấp tỉnh			Hàng năm	Báo cáo theo dõi thực hiện CLTK21-30 hàng năm



STT	Nội dung công việc	Mã số	Cơ quan thực hiện		Thời gian thực hiện		Sản phẩm
			Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.2	Xây dựng báo cáo về tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1142	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2023; 2027	Báo cáo tình hình thực hiện CLTK21-30 trình Chủ tịch UBND tỉnh và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư
11.4.3	Sơ kết thực hiện CLTK21-30	1143	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2025	2025	Báo cáo sơ kết của UBND tỉnh (từ tháng 9 -12/2025)
11.4.4	Tổng kết thực hiện CLTK21-30	1144	UBND cấp tỉnh		2030	2030	Báo cáo tổng kết của địa phương (Từ tháng 7-10/2030)
11.4.4.2	Tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại tỉnh Bình Phước	11442	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2030	2030	- Báo cáo tổng kết UBND tỉnh Bình Phước (từ tháng 7-10/2030); - Tổ chức Hội nghị tổng kết (tháng 10-12/2030).

STT	Nội dung công việc	Cơ quan thực hiện			Thời gian thực hiện		Sản phẩm
		Mã số	Chủ trì	Phối hợp	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(F)	(G)	(H)
11.4.43	Biên soạn báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại tỉnh Bình Phước	11443	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2030	2030	Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện CLTK21-30 tại tỉnh Bình Phước
11.4.4.4	Tổ chức Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30	11444	Cục Thống kê	Sở, ngành; UBND các huyện, thị xã, thành phố		2030	Hội nghị tổng kết thực hiện CLTK21-30 tại tỉnh Bình Phước